TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2023/DS– PT
Ngày: 09/8/2023
V/v"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Chịu
Các Thẩm Phán: + Ông Lê Trúc Lâm
+ Bà Vũ Ngọc Hà

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Ông Phạm Quang –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09/8/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2023/TLPT-DS ngày 28/4/2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXX- PT ngày 26/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 14/7/2023, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 T, phường M, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1971; Địa chỉ: 91 L, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: 172B L, Phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Ông Lê Tấn L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Yêu cầu bà T, ông H trả số tiền nợ theo hợp đồng mua xe trả góp ngày 29/12/2013. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 26/3/2018, bà S yêu cầu Tòa buộc bà T, ông H trả nợ cho bà S số tiền nợ gốc theo đơn khởi kiện 24.200.000đ và lãi suất tính theo quy định pháp luật, Nguyên đơn nộp bản gốc hợp đồng trả góp ngày 29/12/2013.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tấn L trình bày: Tôi là người đứng tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78X1-5946. Tuy nhiên, chiếc xe này tôi đã bán cho bà S vào khoảng tháng 10/2013 với giá 9.300.000đ. Khi bán xe cho bà S, tôi đưa cho bà S bản chính giấy đăng ký xe, việc bà S bán lại chiếc xe nói trên cho ai là quyền của bà S, tôi không biết bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Đoàn H là ai. Do đó, tôi không phải chủ sở hữu đối với xe mô tô 78X1-5946 nên không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, xin vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 54.547.955đồng, trong đó tiền gốc 24.200.000đồng, tiền lãi 30.347.955 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/3/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn H có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T.

Sau khi bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78X1-5946 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Tấn L phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023 và gày 27 tháng 3 năm 2023, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý hình sự đối với bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Đoàn H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định pháp luật và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn H vắng mặt không rõ lý do; ông Lê Tấn L có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo, kháng cáo bổ sung của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý hình sự đối với bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Đoàn H, Hội đồng xét xử thấy: Tại biên bản giao nhận ngày 24/9/2019, biên bản giao nhận ngày 28/10/2019 và đơn yêu cầu tạm hoãn ngày 21/02/2023 nguyên đơn yêu cầu chuyển hồ sơ khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi của vợ chồng bà T, ông H; Tuy nhiên, tại công văn số 309/CSĐT ngày 10/3/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố T về việc thông báo kết quả xác minh: "Chưa xác định được vụ việc có dấu hiệu tội phạm". Do đó, không có lý do để tạm ngưng phiên tòa. Hơn nữa, bà S yêu cầu khởi tố hình sự đối với bà T, ông H là không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án dân sự. Tòa án nhân dân thành phố T đã giải quyết vụ án theo pháp luật tố tụng dân sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét về nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1971; Địa chỉ: 91 L, Phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn H, sinh năm 1970; Địa chỉ: 172B L, Phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Cả bà Nguyễn Thị Lệ T, ông Đoàn H đều có cùng địa chỉ cư trú tại thành phố T, tỉnh Phú Yên và yêu cầu vợ chồng bà T, ông H trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T. Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là có cơ sở, đúng pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Công an thành phố T cung cấp thông tin về chiếc xe bị đơn đã mua của nguyên đơn có số khung RLCL15C20AY007752, số máy 15C2007752, biển số 78X1-5946 do ông Lê Tấn L đứng tên chủ sở hữu, được ông L thừa nhận nhưng ông đã bán và giao giấy tờ chiếc xe này cho bà S vào khoảng tháng 10/2013. Theo quy định tại các Điều 405, 428 Bộ luật dân sự năm 2005, thấy tài sản chiếc xe mô tô biển số 78X1-5946 do ông Lê Tấn L chủ sở hữu đã được chuyển giao cho bà Hồ Thị Thanh S và tại Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày 29 tháng 12 năm 2013, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định bị đơn có mua của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S 01 chiếc xe máy có biển số 78X1-5946 (đứng tên ông Lê Tấn L) còn nợ lại số tiền 24.200.000đồng. Qúa trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T, ông H vắng

mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ về việc trả nợ cho bà S; nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S nợ gốc 24.200.000đồng là có cơ sở, đúng pháp luật.

[5] Xét kháng cáo về tiền lãi: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi suất không phù hợp mà phải tính lại lãi suất với mức 1,125%/ tháng từ ngày nợ cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi một lần. Hội đồng xét xử thấy: Tại Hợp đồng trả góp mua xe máy ký ngày ngày 29 tháng 12 năm 2013, các bên thỏa thuận lãi chậm trả bằng 2,5%/tháng là không phù hợp pháp luật nên áp dụng quy định pháp luật tại thời điểm xác lập để tính lãi theo quy định tại Điều 438, khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận tính lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 là 150% của mức lãi suất cơ bản (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định lãi suất 9%/năm). Thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo liền kề của ngày nhận nợ, từ ngày 30 tháng 12 năm 2013 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14 tháng 3 năm 2023 là 09 năm 02 tháng 14 ngày x 24.200.000đồng x 13,5%/năm = 30.347.955 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S là 54.547.955đồng. Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78X1-5946 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Tấn L phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Đồng thời, buộc người bảo lãnh ông Đoàn H thực hiện nghĩa vụ của mình, có trách nhiệm cùng bà Nguyễn Thị Lệ T trả số nợ mua xe cho nguyên đơn như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp quy định pháp luật.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy nội dung kháng cáo của nguyên đơn không có cơ sở và tại cấp phúc thẩm người kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào mới. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm như Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 305, 361, 428, 431, 432, 438, 439 và Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tiền nợ mua xe máy là 54.547.955đồng, trong đó tiền gốc 24.200.000đồng, tiền lãi 30.347.955 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/3/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Trong trường hợp bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn H có trách nhiệm trả hết số nợ hoặc số nợ còn lại thay cho bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T.

Sau khi bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T trả hết nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78X1-5946 thì bà Hồ Thị Thanh S, ông Lê Tấn L phải có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T.

Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 2.727.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0008121 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T và bà S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại 605.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Biên lai thu tiền số 0009838 ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND TP Tuy Hòa;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- Chi cục THADS TP Tuy Hòa;
- Lưu: HSVA.

Ngô Chịu